

TUẦN 7
TIẾNG VIỆT

BÀI 13: ĐỌC: CON VỆT XANH (Tiết 43)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Con vẹt xanh*. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cần biết nói năng lễ phép với người lớn và biết sửa lỗi khi mắc lỗi.
- Biết cách giao tiếp với người lớn hơn tuổi một cách lịch sự, lễ phép; biết nhận lỗi và sửa lỗi khi mắc lỗi.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: Ai nhanh hơn
- Nội dung câu hỏi:

Câu 1: Ai là người đã phát minh ra chiếc máy lau nhà?

- a) Một nhà khoa học nổi tiếng.
- b) Một cậu bé 6 tuổi.**
- c) Một kỹ sư chế tạo máy.
- d) Một người mẹ đảm đang.

Câu 2: Chiếc máy lau nhà của cậu bé được làm từ những vật liệu gì?

- a) Kim loại và nhựa cao cấp.
- b) Quạt điện cũ, chai nước, băng dính.**
- c) Gỗ và vải mềm.
- d) Sắt và nhôm.

Câu 3: Bài học rút ra từ câu chuyện "Nhà phát minh 6 tuổi" là gì?

- a) Chỉ có người lớn mới có thể phát minh ra những thứ hữu ích.
- b) Phát minh cần phải có nhiều tiền và thiết bị hiện đại.
- c) Sự sáng tạo không phân biệt tuổi tác, chỉ cần chúng ta chịu khó quan sát và tìm tòi.**
- d) Máy lau nhà là một vật dụng không cần thiết.

- HS chia sẻ câu trả lời của mình.
- GV lắng nghe và nhận xét.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (12 - 13)

2.1. Luyện đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: 3 đoạn theo thứ tự
Đoạn 1: Từ đầu cho đến: *giỏi lắm*
Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *có một giọng the thé gắt lại “Cái gì?”*
Đoạn 3: phần còn lại
- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp..
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *nhảy nhót, há mỏ, nựng, sừng sốt, lễ phép....*
- GV hướng dẫn luyện đọc 2 câu:
Vẹt mỗi ngày một lớn,/ lông xanh óng ả,/ biết huýt sáo lãnh lót/ nhưng vẫn không nói tiếng nào.

Con vẹt nhìn Tú,/ dường như cũng biết lỗi/ nên nó xù lông cổ,/ rụt đầu,/ gì một cái/ nghe như tiếng: “Dạ!”

2.2. Luyện đọc diễn cảm.

- GV đọc mẫu lần 2:
- Mời 3 HS đọc nối tiếp
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).
- GV theo dõi sửa sai.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
+ GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
+ GV nhận xét tuyên dương

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 12')

3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

Câu 1: Tú đã làm gì khi thấy con vẹt bị thương trong vườn?

Trả lời: *Tú chăm sóc nó rất cẩn thận.*

Câu 2: Những chi tiết nào cho thấy Tú yêu thương vẹt?

Trả lời: *Những chi tiết cho thấy Tú yêu thương vẹt là:*

- *Thương vẹt, Tú chăm sóc nó rất cẩn thận.*
- *Đi học về, Tú chạy đến bên con vẹt nhỏ.*
- *Tú vừa cho ăn, vừa nói với nó như nựng trẻ con.*

Câu 3: Nêu tâm trạng, cảm xúc của Tú trong mỗi tình huống (Nghe anh trai nói vẹt có thể bắt chước tiếng người; Lần đầu tiên nghe Vẹt bắt chước tiếng mình; Nghe thấy vẹt bắt chước những lời mình nói trống không với anh)

Trả lời: - *Tình huống 1: Nghe anh trai nói vẹt bắt chước tiếng người.*

=> *Tú rất háo hức được nghe vẹt nói.*

- *Tình huống 2: Lần đầu tiên nghe vẹt bắt chước tiếng mình.*

=> *Tú sướng quá, nhảy lên reo hò. Tú khoe khắp nơi. Tú hãnh diện khoe với các bạn trong lớp.*

- *Tình huống 3: Nghe thấy vẹt bắt chước những lời mình nói trống không với anh.*

=> *Tú sừng sốt ngồi lặng thinh và nhớ ra những lần mình nói trống không với anh. Tú hối hận và chỉ mong có cơ hội để sửa sai.*

Câu 4: Đoạn kết của câu chuyện cho biết Tú đã nhận ra điều gì và sẽ thay đổi như thế nào?

Trả lời: Đoạn kết của câu chuyện cho biết Tú đã nhận ra trước giờ mình vẫn luôn nói trống không và cần nhận với anh mỗi khi anh gọi. Tú hối hận và chỉ mong có cơ hội thay đổi để trở thành một đứa trẻ thật ngoan và lễ phép.

Câu 5: Sắp xếp các câu trong SHS thành đoạn văn tóm tắt nội dung câu chuyện *Con vẹt xanh*.

Trả lời: d. Có một chú vẹt nhỏ bị thương ở cánh được Tú yêu thương và chăm sóc cẩn thận.

a. Một ngày, vẹt bắt chước tiếng nói của Tú khiến Tú rất vui.

c. Nhưng khi vẹt nói nhiều hơn, Tú thấy vẹt toàn bắt chước những lời Tú nói trống không với anh trai.

b. Tú nhận ra mình đã không lễ phép với anh và rất hối hận về điều đó.

- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

- GV nhận xét và chốt nội dung bài: **Cần biết nói năng lễ phép với người lớn và biết sửa lỗi khi mắc lỗi.**

3.2. Luyện đọc diễn cảm

- GV Hướng dẫn HS đọc diễn cảm

- GV cho HS đọc nhóm đôi.

- GV cho HS đọc trước lớp

- GV nhận xét, tuyên dương.

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

- Nội dung câu hỏi:

Câu 1: Con vẹt xanh sống ở đâu?

a) Trong rừng xanh.

b) Trong lồng.

c) Trên cây cao.

d) Trong vườn thú.

Câu 2: Điều gì khiến con vẹt xanh buồn bã?

a) Nó bị ốm.

b) Nó không có bạn để chơi cùng.

c) Nó nhớ cuộc sống tự do.

d) Nó không thích ăn thức ăn trong lồng.

Câu 3: Thông điệp mà câu chuyện "Con Vẹt Xanh" muốn gửi gắm là gì?

a) Vẹt là loài chim biết nói.

b) Chúng ta nên nuôi vẹt làm thú cưng.

c) Hãy tôn trọng sự tự do của muôn loài.

d) Vẹt xanh là loài chim quý hiếm.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 14: Chân trời cuối phố

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 13: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ (Tiết 37)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Luyện tập về động từ, nhận diện một số động từ theo đặc điểm về nghĩa.

- HS hiểu hơn về nhóm động từ chỉ trạng thái.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Đuổi hình bắt chữ.
Câu hỏi: + Câu 1: Dưới đây là hoạt động mà một bạn gái thường làm ở nhà, con hãy nêu các động từ chỉ hoạt động ấy:

Đánh răng, rửa mặt, quét nhà, nhặt rau, tưới cây, nấu cơm, làm bài tập, xem ti vi, đọc truyện

- + Câu 2: Gạch chân dưới động từ trong các từ in nghiêng ở cặp câu dưới đây:

a. Cô ấy đang *suy nghĩ*

b. Những *suy nghĩ* của cô ấy rất sâu sắc.

- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành: (23 - 25')

HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập Tiếng Việt GV kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1: Tìm các động từ theo mẫu

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

Tìm các động từ theo mẫu.

a. Chứa tiếng "yêu" **M**: yêu quý b. Chứa tiếng "thương" **M**: thương mến

c. Chứa tiếng "nhớ" **M**: nhớ mong d. Chứa tiếng "tiếc" **M**: tiếc nuối

- GV mời HS làm việc theo nhóm đôi
- GV mời các nhóm trình bày chia sẻ kết quả.
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Đáp án:

+ *yêu thương, yêu mến, kính yêu, yêu thích, thương yêu, yêu quý...*

+ *nhớ thương, nhớ mong, nhớ nhung...*

Bài 2. Trò chơi "Hái hoa".

- GV nêu cách chơi và luật chơi. - HS làm việc nhóm, đọc suy nghĩ
- GV chiếu bài tập, HS quan sát. - HS lắng nghe cách chơi và luật chơi.
- Các nhóm tham gia chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Thứ tự cần tìm các động từ: **nhớ, thương, khâm phục, biết ơn, chán, đổi, thích, yêu**

- Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả bài làm của nhóm.
- Các nhóm lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- GV tổ chức cho HS lên hái hoa, mỗi bông hoa gắn 1 con số thứ tự. Hái bông hoa số nào thì tìm động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc thay cho bông hoa

Bài 3. Sử dụng động từ dưới đây để đặt câu phù hợp.

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.
- GV mời HS làm việc theo nhóm 4

- GV mời các nhóm trình bày.
- GV mời các nhóm nhận xét bình chọn những câu hay nhất cho mỗi tranh
- GV nhận xét, tuyên dương HS.

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
 - + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó động từ chỉ các mức độ khác nhau, tìm ra những động từ chỉ trạng thái.
 - + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)
 - + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là tìm ra những động từ chỉ trạng thái.
- có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.
- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)
 - GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 13: VIẾT: LUYỆN VIẾT MỞ BÀI, KẾT BÀI CHO BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN (Tiết 45)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Bài viết mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng cho bài văn kể lại một câu chuyện.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trao đổi với người thân về cách viết mở bài, kết bài cho một bài văn thêm sinh động, gợi cảm.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV Cho HS chơi trò chơi hộp quà may mắn
- +Câu 1: Kể một câu chuyện mà em đã nghe, đã đọc
- +Câu 2: Vì sao em thích câu chuyện đó?
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành: (23 - 25')

HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập Tiếng Việt GV kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1: Đọc các đoạn văn và thực hiện yêu cầu: xếp các mở bài dưới đây vào nhóm thích hợp

- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu.
- GV mời cả lớp làm việc chung:
- Gv chiếu bài tập lên bảng
- GV mời một số HS trình bày.

- Cả lớp làm việc nhóm, cùng suy nghĩ để trả lời từng ý thống nhất đáp án, nêu nội dung trong các đoạn mở bài

| Mở bài trực tiếp | Mở bài gián tiếp |
|---|--|
| Đoạn 1: “Cô bé lọ lem” là câu chuyện cổ tích nổi tiếng mà trẻ em trên khắp thế giới đều đã từng được nghe kể. | <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 2: Em được mẹ tặng cuốn sách có nhan đề “ 100 truyện cổ tích hay nhất thế giới”. Đối với em, thú vị nhất là câu chuyện “ Cô bé lọ lem” - Đoạn 3: Tối nào cũng vậy, bằng giọng ầm áp, bà lại kể cho em nghe một câu chuyện cổ tích từ ngày xưa ngày xưa. Trong những câu chuyện bà kể, em nhớ mãi câu chuyện “ Cô bé lọ lem” với bao nhiêu phép biến hoá nhiệm màu. |

- Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và chốt nội dung
- GV nhận xét chung và chốt đáp án đúng.

Bài 2. Xác định kiểu kết bài của mỗi đoạn dưới đây:

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2
- a.Em rất thích câu chuyện Cô bé lọ lem.
- b.Em rất thích câu chuyện này vì cái kết thật có hậu. Cô bé Lọ lem xứng đáng là một trong những câu chuyện cổ tích hay nhất thế giới.
- c. Câu chuyện Cô bé Lọ lem dù đã kết thúc nhưng thế giới của những hoàng tử, công chúa, những bà tiên với phép màu kì diệu vẫn khiến em thao thức mãi. Ước gì trong giấc mơ, em được bước vào thế giới thần tiên ấy.
- Cả lớp làm việc nhóm 4, cùng suy nghĩ để trả lời từng ý thống nhất đáp án, nêu nội dung trong các đoạn kết bài.
- Các nhóm trình bày kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét.

| Kết bài mở rộng | Kết bài không mở rộng |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> b.Em rất thích câu chuyện này vì cái kết thật có hậu. Cô bé Lọ lem xứng đáng là một trong những câu chuyện cổ tích hay nhất thế giới. c. Câu chuyện Cô bé Lọ lem dù đã kết thúc nhưng thế giới của những hoàng tử, công chúa, những bà tiên với phép màu kì diệu vẫn khiến em thao thức mãi. Ước gì trong giấc mơ, em được bước vào thế giới thần tiên ấy. | a.Em rất thích câu chuyện Cô bé lọ lem. |

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Bài tập 3: Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài Cô bé Lọ Lem.

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.
- Gv hướng dẫn viết bài.
- GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào vở mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài kể chuyện Cô bé Lọ Lem
- GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh.
- GV nhận xét, tuyên dương chung.
- Gv cho Hs đọc ghi nhớ về bài văn kể lại một câu chuyện

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”.
- + GV chuẩn bị một số tờ giấy A0 (tùy theo số lượng nhóm).
- + Chia lớp thành 4 nhóm (tùy số lượng HS)
- + Giao cho mỗi nhóm một vật như: các loại quả hay các loại đồ dùng,... nhóm có nhiệm vụ thảo luận và viết Viết mở bài gián tiếp hoặc kết bài mở rộng về một câu chuyện em đã nghe, đã đọc. Nhóm nào làm đúng (đạt trên 50%) thì sẽ được nhận vật đó luôn.
- HS chơi trò chơi và chia sẻ câu trả lời của mình.
- GV nhận xét, tuyên dương những học sinh tìm nhanh theo YC trò chơi.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)**TIẾNG VIỆT****BÀI 14: ĐỌC: CHÂN TRỜI CUỐI PHỐ (Tiết 46 + 47)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Chân trời cuối phố*
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả trong bài
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện.
- Hiểu được suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động và suy nghĩ của nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cuộc sống xung quanh chúng ta có rất nhiều điều mà chúng ta chưa biết, giống như những chân trời mở ra vô tận. Chỉ cần chúng ta có khao khát khám phá, chúng ta sẽ được trải nghiệm rất nhiều điều thú vị quanh mình.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết chia sẻ suy nghĩ, nhận thức, có ý thức quan sát, chú ý đến những sự việc xảy ra quanh mình, có mong muốn trải nghiệm và khám phá thế giới xung quanh.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh chia sẻ câu trả lời câu hỏi:
- Em hãy nói về lần đầu tiên của em được đến một nơi nào đó và chia sẻ cảm xúc của em khi đó cho các bạn cùng nghe. Theo gợi ý: Đó là nơi nào? Em đến đó khi nào? Em đến đó với ai? Em thấy gì ở đó? Em cảm thấy thế nào khi đến đó?
- + GV khích lệ HS nói được suy nghĩ riêng của mình.
- HS chia sẻ ý kiến của mình.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25)**2.1. Luyện đọc đúng.**

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

- GV chia đoạn: 3 đoạn theo thứ tự:
- + Đoạn 1: từ đầu đến “ *Cún vào nhà!*”
- + Đoạn 2: tiếp theo cho đến *ngẩng lên nhìn*
- + Đoạn 3: đoạn còn lại.
- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *cũ kĩ, lầy lội, đến nỗi, ngẩng lên, bãi bờ...*
- GV mời 1 HS đọc phần giải nghĩa từ, và GV giải nghĩa một số từ mà học sinh chưa hiểu.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu:
Từ cổng nhà/ cún nhìn thấy dãy phố với những mái tôn cũ kĩ và con đường lầy lội mùa mưa. Trước mặt,/ dọc bờ sông bên kia. Làng quê với những bãi bờ., / cây cối, / nhà cửa...
- GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 3.
- GV mời 2 nhóm đọc trước lớp
- GV nhận xét sửa sai.

2.2. HS luyện đọc diễn cảm:

- GV cho HS luyện đọc cá nhân toàn bài
- GV cho HS đọc trước lớp.
- GV nhận xét tuyên dương.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (30 – 35’)

3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

Câu 1: Tìm thông tin về nhân vật cún trong câu chuyện theo gợi ý: Tên, nơi ở, hình dáng, tính cách, tiếng kêu.

Trả lời: *Tên: cún*

Nơi ở: Ngôi nhà nhỏ

Hình dáng: nhỏ

Tính cách: tò mò, thích khám phá

Tiếng kêu: ăng ăng

Câu 2: Những chi tiết nào cho thấy Cún rất tò mò muốn biết về dãy phố bên ngoài?

Trả lời: *Cún đã vài lần định ra cổng khám phá dãy phố bên ngoài nhưng người lớn không cho ra. Cún nghĩ “ Ở cuối phố có gì nhỉ?”. Cún tò mò rồi tò mò chuyển thành bực mình, bực đến nỗi đang nằm yên cún bỗng ngẩng cổ lên sủa “ Ắng! Ắng”*

Câu 3: Khi có dịp chạy hết dãy phố, những cảnh vật hiện ra trước mắt đã giúp cún nhận ra điều gì?

Trả lời: *Những cảnh vật mở ra trước mắt khi chạy hết dãy phố đã giúp Cún nhận ra: hết phố này sẽ đến phố khác, hết sông này sẽ đến sông khác, hết làng này sẽ đến làng khác, cuối dãy phố của Cún là những chân trời mở ra vô tận.*

Câu 4: Tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc của Cún và giải thích vì sao Cún có những cảm xúc đó?

Trả lời: - *Những từ ngữ chỉ cảm xúc của Cún:*

+ *Bực mình (vì tò mò muốn biết về cuối dãy phố mà lại không được ra ngoài)*

+ *mừng rỡ: (vì được người nhà mở cổng cho ra ngoài chạy đi khám phá dãy phố.)*

Câu 5: Hãy tưởng tượng em cùng cún đi trên dãy phố trong bài đọc, em sẽ thấy những gì?

Trả lời: Nhìn: con đường, nhà, mái tôn, con đò, bãi bồi, cây cối, nhà cửa...

Nghe: tiếng gió thổi, tiếng nước chảy, tiếng cây cối xào xạc...

Ngửi: mùi nước từ sông, mùi bùn đất khô trên đường....

Cảm xúc: vui vẻ, khoan khoái, thích thú, hài lòng, khó chịu, chật chội, buồn tẻ....

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

- GV nhận xét và chốt nội dung bài: ***Cuộc sống xung quanh chúng ta có rất nhiều điều mà chúng ta chưa biết, giống như những chân trời mở ra vô tận. Chỉ cần chúng ta có khao khát khám phá, chúng ta sẽ được trải nghiệm rất nhiều điều thú vị quanh mình.***

3.2. Luyện đọc lại:

- GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm.

- Mời một số học sinh đọc nối tiếp.

- HS đọc nối tiếp theo đoạn. Đọc một số lượt.

- GV nhận xét, tuyên dương.

3.3. Luyện tập theo văn bản đọc:

Bài 1: Tìm các câu văn có sử dụng dấu hai chấm trong bài đọc và cho biết công dụng của các dấu hai chấm đó.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.

| Câu có dấu hai chấm | Công dụng của dấu hai chấm |
|---|---|
| Mỗi lần cha định ra mở cổng là người lớn trong nhà lại nhắc: “ Cún, vào nhà!” | Đánh dấu lời nói của nhân vật. |
| Nằm cuộn tròn trên chiếc chõi rơm đầu hè, cún nghĩ “ Ở cuối dãy phố có gì nhỉ?” | Đánh dấu lời nói của nhân vật. |
| Bực đến nổi, đang yên con cún bỗng ngẩng cổ lên sủa: - Ặng! Ặng!... | Đánh dấu lời nói của nhân vật. |
| Trước mặt, dọc bờ sông bên kia: làng quê với những bãi bờ, cây cối, nhà cửa | Đánh dấu phần giải thích, thuyết trình cho phần trước đó. |

- HS làm việc nhóm 4.

- Mời đại diện các nhóm trình bày chia sẻ kết quả bài làm của nhóm.

- Mời các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 2: Tìm từ ngữ có thể thay thế cho các từ mừng rỡ, yên ắng.

- GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở.

- Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em)

- Cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở.

Đáp án: *Tìm từ ngữ có thể thay thế cho các từ mừng rỡ: mừng vui, vui vẻ, vui mừng
yên ắng: yên tĩnh, yên lặng, im lặng, lặng yên.*

- GV nhận xét, tuyên dương

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi: “Thi đọc tiếp sức” sau bài học để học sinh thi đọc diễn cảm bài văn.

- GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 15: Gặt chữ trên non.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT**BÀI 14: VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN
(Tiết 48)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết lập dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để nêu ý kiến của mình với tập thể.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học “Vòng quay may mắn”. Gv nêu luật chơi:
 - + Câu 1: Đọc đoạn 1 bài “ chân trời cuối phố”
 - + Câu 2: Đọc đoạn 2 bài “ Chân trời cuối phố”
 - + Câu 3: Đọc đoạn 3 bài “ Chân trời cuối phố”
 - + Câu 4: Đặt câu có từ “mừng rỡ”
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới:
 - + Em hãy kể tên một câu chuyện mà em đã được học?
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành: (20 – 25 ')

Chọn một trong những đề dưới đây:

Đề 1: Kể lại một câu chuyện cổ tích mà em yêu thích.

Đề 2: Kể lại một câu chuyện mà em đã đọc trong sách giáo khoa Tiếng Việt.

Đề 3: Kể lại một câu chuyện có nhân vật chính là trẻ em.

- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu.
- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.
- GV hướng dẫn HS chọn 1 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài.
- GV mời một số HS đọc yêu cầu trong SGK.
- Gv cho HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến trình bày trong nhóm một cách ngắn gọn các thông tin khái quát về câu chuyện và kể lại các sự việc diễn ra trong câu chuyện theo trình tự hợp lí.
- Đại diện nhóm trình bày
- Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và chốt nội dung.
- GV nhận xét chung.

Bài 2. Lập dàn ý

- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu SGK
- GV cho HS dựa vào các ý đã nêu ở phần chuẩn bị, tự lập dàn ý cho bài làm của mình.
- GV cho HS làm bài
- GV nhận xét nhanh một số bài của HS, khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ kịp thời những HS còn gặp khó khăn trong việc lập dàn ý.
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 3. Góp ý chỉnh sửa dàn ý

- Cách sắp xếp ý trong dàn ý
- Cách thức trình bày dàn ý
- GV mời cả lớp thảo luận nhóm 4 để chỉnh sửa cho bạn.
- Cho HS tự chỉnh sửa dàn ý sau khi đã góp ý.
- GV mời các nhóm nhận xét.
- GV nhận xét chung, kết luận.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”.
- + GV chuẩn bị dàn ý một câu chuyện ngắn. Yêu cầu các nhóm đọc và viết ý kiến của nhóm mình về dàn ý câu chuyện đó (nêu ý kiến thích hoặc không thích, vì sao)
- + Chia lớp nhiều nhóm (tùy số lượng HS)
- + Mời các nhóm trình bày.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT**BÀI 14: NÓI VÀ NGHE: VIỆC LÀM CÓ ÍCH (Tiết 49)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết nói trước nhóm, trước lớp về một việc có ích đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV đặt câu hỏi.
- + Trong cuộc sống hàng ngày em đã làm được những việc gì?
- + Những việc làm đó em thấy thế nào?
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (20 – 25')**2.1. Chuẩn bị:**

- GV cho HS đọc SGK
- GV hướng dẫn cách nói về việc có ích em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân
- + Mời một học sinh lên trước lớp để làm ví dụ.
- + HD HS đó tự giới thiệu về việc có ích em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân
- + GV mời một số HS khác phát biểu về cách nói của bạn.
- GV mời học sinh làm việc cá nhân, mỗi HS tự viết ra giấy một về việc có ích em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân theo hướng dẫn
- Cả lớp nhận xét, phát biểu.

- GV nhận xét, tuyên dương.

2.2. Chia sẻ

- GV mời cả lớp thảo luận nhóm 4 thực hiện các yêu cầu sau:

+ Kể về công việc đã tham gia theo đúng trình tự và nêu cảm xúc của em.

+ Nêu lợi ích của công việc đó.

- GV mời các nhóm trình bày.

- GV mời các nhóm khác nhận xét.

- Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương.

2.3. Ghi chép những ý quan trọng trong bài phát biểu của bạn để trao đổi với bạn.

- GV cho HS ghi nhận ra giấy nháp những ý mà HS thấy qua trọng trong bài phát biểu của bạn khi bạn phát biểu xong

- Cho HS tham gia góp ý cho bạn để bạn hoàn chỉnh bài nói.

- GV khen ngợi những em trình bày bài tốt, động viên, khuyến khích HS ...

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức HS thảo luận:

+ GV tổ chức cho lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận và chọn một bạn đại diện lên trước lớp giới thiệu về một việc có ích em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.

+ Mời các nhóm trình bày.

+ GV nhận xét chung, trao thưởng.

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT CUNG CỐ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ (Tiết 13)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức: Tìm và nhận biết động từ, điền động từ thể hiện cảm xúc cho trước sao cho phù hợp vào chỗ trống.

- Giúp HS tìm được một câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh có trong bài thơ.

- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “ Ai nhanh hơn”

- Nội dung trò chơi: Khoanh vào chữ cái trước các câu có từ in đậm là động từ:

a. Tôi **để** cuốn sách ở trên bàn.

b. Ông bà bắt con đến gặp thầy giáo **để** xin học.

c. Bà trải **chiếu**, xếp gối lại cho Thanh nằm nghỉ.

d. Nắng đã **chiếu** sáng lò sưởi của biển.

e. Ngôi nhà **tựa** vào nền trời sẫm biếc.

g. Tàu dừa **tựa** chiếc lược ngà chải vào mái tóc của mây trời.

- HS chơi trò chơi và đưa ra đáp án.

- GV nhận xét, tuyên dương HS viết đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)**Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.**

- GV đưa ra yêu cầu: HS đọc phiếu, quan sát yêu cầu của phiếu BT và hoàn thành bài.
- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.
- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài chia sẻ kết quả bài làm của mình.

Bài 1: Tìm một câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh trong bài thơ Quả sấu non trên cao.

- GV gọi 1 HS nêu yêu cầu đề bài.
- GV cho HS chia sẻ kết quả bài làm của mình.
- HS đọc lại bài tập
- + So sánh: Trái non như thách thức
- Tác dụng: Quả sấu non không sợ các loài sâu cứ lên, cuối cùng thì những trái sấu đó vẫn ngon ngọt. Đó quả là sự kì diệu. Tác giả muốn chúng ta hiểu ra rằng bất kể loài sâu bọ, giặc nào không thể ngăn cản nổi sự phát triển của sự sống.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.
- GV chốt kiến thức về biện pháp so sánh và tác dụng của việc sử dụng biện pháp so sánh trong bài thơ và bài văn.

Bài 2: Cho học sinh hoạt động nhóm 4

Tìm một động từ thay thế từ giống trong dòng thơ “Giờn cả cùng mây trắng”

- GV giao nhiệm vụ, chia nhóm và cho HS thảo luận làm bài tập 2.
- GV cho HS đọc kết quả.
- HS đọc lại bài tập
- GV nhận xét, chốt kết quả.
- GV chốt kiến thức động từ.

Bài 3: Học sinh làm việc cá nhân**Điền động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc vào chỗ trống cho phù hợp.**

a) Mong ước, kính yêu

Tôi ở lại với mẹ:

- Mẹ.....của con! Không bao giờ con quên được lời mẹ. Rồi mai đây con lên đường, con sẽ hết sức tu tỉnh được như mẹ.....cho con của mẹ.

b) tiếc, sùng sốt, ghen tức, mừng rỡ

Đúng lúc rước dâu, không ai thấy Sọ Dừa đâu cả. Bỗng một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng cô út của phú ông từ phòng cô dâu đi ra. Mọi người đều.....Còn hai cô chị vợ của Sọ Dừa thì vừa....., vừa.....

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung và chia sẻ đáp án của mình.
- GV chốt đáp án đúng.

→ GV nhắc nhở HS chú ý cách lựa chọn động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc sao cho phù hợp với hoàn cảnh và tình huống có sẵn trong đoạn văn bài tập cho trước để điền động từ còn thiếu vào cho đúng.

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu học sinh tìm các danh từ trong bài đọc : Quả sấu non trên cao.
- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức: động từ

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ****VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN (Tiết 14)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Dựa vào lập dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện.
- Hình thành và phát triển kĩ năng viết mở trực tiếp và mở bài gián tiếp. Kết bài theo kiểu mở rộng và không mở rộng.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức cần ghi nhớ.
- Khi viết bài văn kể chuyện cần lưu ý những gì?
- HS chia sẻ câu trả lời của cá nhân.
- GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời câu hỏi, GV lưu ý những điểm cần ghi nhớ.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)**Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.**

- GV yêu cầu 1-2 HS kể lại câu chuyện Thạch Sanh.
- GV yêu cầu HS thảo luận tìm ra phần mở đầu câu chuyện và kết thúc câu chuyện.
- GV chốt câu trả lời đúng.
- GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1,2,3 trong vở luyện tiếng việt trang 28, 29.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:
- GV mời cầu HS đọc yêu cầu bài 1.

Hãy viết mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp cho đề bài trên.

- Mở bài trực tiếp.
- Mở bài gián tiếp.
- Mời HS trình bày.

MB1:

Cuộc sống vốn dĩ không bao giờ bằng phẳng, trên con đường tìm đến hạnh phúc luôn chứa đầy những khó khăn, thử thách đòi hỏi ta phải dũng cảm, kiên trì vượt qua. Truyện cổ tích Thạch Sanh là minh chứng cho điều đó, để tìm đến được hạnh phúc chàng đã phải đối mặt với biết bao hiểm nguy, có những khi tưởng chừng như gục ngã. Thạch Sanh được xây dựng trên trí tưởng tượng của dân gian là một con người hoàn mỹ về nhân cách và tài năng, mang theo đó là niềm tin bất diệt của con người vào sự công bằng trong xã hội.

MB2:

*“Đàn kêu: Ai chém chần tình
Cho mây vịnh hiển dự mình quyền sang*

*Đàn kêu: Ai chém xà vương
Đem nàng công chúa triều đường về đây?*

Những câu thơ Nôm ấy khiến người đọc nhớ ngay tới câu chuyện cổ tích xưa với hình ảnh chàng dũng sĩ Thạch Sanh. Nhân vật ấy đã để lại trong lòng độc giả ấn tượng sâu sắc. Thạch Sanh cũng như bao nhân vật cổ tích khác được xây dựng bằng bút pháp dân gian, đơn giản và không có đời sống tâm lí. Nhưng bằng sự tài hoa của mình các tác giả xưa vẫn tạo ra được những dấu ấn riêng cho các nhân vật.

- Mời các HS nhận xét, bổ sung.

- Nhận xét, chốt đáp án:

- **GV chốt:** củng cố 2 cách mở bài, khuyến khích HS mở bài theo cách gián tiếp để bài văn được hay hơn.

Bài 2:

- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 2: **Hãy viết kết bài không mở rộng và kết bài mở rộng cho đề bài trên**

- Mời HS đọc bài làm

- HS nêu lại về hai cách kết bài:

HS1:

Thạch Sanh là truyện cổ tích hấp dẫn, giàu kịch tính. Tác phẩm đã dựng lên chân dung của một vị anh hùng toàn tài, toàn mỹ cả về nhân cách lẫn tài năng. Qua nhân vật này, các tác giả dân gian thể hiện mơ ước, niềm tin về đạo đức, công lí và công bằng trong xã hội, đồng thời thể hiện tư tưởng nhân đạo và yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta.

HS 2:

Cái kết có hậu của câu chuyện đã đáp lại cái ao ước đổi đời cho những con người nghèo khổ nhưng có tấm lòng lương thiện của nhân dân ta. Đó là thành quả đáng được hưởng sau những khó khăn thử thách mà con người đã trải qua. Câu chuyện một lần nữa khẳng định triết lí sống ngàn đời của cha ông ta, cái thiện luôn thắng cái ác, ở hiền gặp lành.

- Mời HS khác nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.

- **GV chốt:** củng cố 2 cách kết bài, khuyến khích HS kết bài theo cách mở rộng để bài văn được hay hơn.

Bài 3:

Lập dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện Thạch Sanh

-GV gọi HS đọc yêu cầu và xác định yêu cầu bài tập.

- HS thảo luận nhóm bài viết vào phiếu bài tập.

- Gọi 1-2 HS đọc phiếu

- Một số HS trình bày kết quả.

A. Mở bài

- Giới thiệu truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

B. Thân bài (diễn biến sự việc)

- Mở đầu: Ngọc Hoàng sai Thái tử xuống đầu thai làm con.

- Thắt nút - Lý Thông gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em để lợi dụng.

- Phát triển: Thạch Sanh dùng búa chém chết chằn tinh. Lý Thông cướp công.

- Thạch Sanh dùng tên bắn bị thương đại bàng, cứu công chúa.

- Mở nút: Khi nghe tiếng đàn vắng ra từ trong ngực, công chúa bỗng cười nói vui vẻ. Vua tìm ra sự thật, kết tội Lý Thông.
- Kết thúc: Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Chư hầu đến cầu hôn không được, kéo sang đánh ...

C. Kết bài.

- Ý nghĩa câu chuyện: “Ở hiền gặp lành” và “ác giả ác báo”.
- HS chú ý.
- GV nhận xét bổ sung, chốt dàn ý đầy đủ và hay.

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

H: Em hiểu thêm được điều gì qua câu chuyện cổ tích Thạch Sanh?

-GV liên hệ cuộc sống HS.

→ GV hệ thống bài học.

- Nắm được cách viết mở bài, kết bài trong bài văn kể lại câu chuyện Thạch Sanh.
- Lập dàn ý bài văn kể lại câu chuyện cổ tích.
- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức để viết bài thuật lại một sự việc.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

BÀI 14: SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ (Tiết 31)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được cách so sánh hai số và so sánh được hai số có nhiều chữ số.
- Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm các số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File giáo án.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động, kết nối (3 – 5')

- GV cho HS thực hiện yêu cầu sau:

+ Nêu cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn ?

+ Làm tròn số **1 235 905** đến hàng trăm nghìn.

- GV kết luận: *Các số 0, 1, 2, 3,... là các số tự nhiên. Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên. Số tự nhiên bé nhất là 0. Không có số tự nhiên lớn nhất. Trong dãy số tự nhiên, hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.*

- HS lắng nghe và nhắc lại.

2. Hoạt động thực hành, vận dụng (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 47, 48 /SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- Làm việc theo cặp.
- HS chia sẻ trước lớp.
- HS làm bài + trình bày kết quả.

Bài 2.

- Làm việc cá nhân
- HS làm bài vào vở.

- 1 HS chia sẻ trước lớp.

***GV kết luận:** *Củng cố cách so sánh số có nhiều chữ số.*

Bài 3.

- HS thảo luận nhóm đôi, suy nghĩ phân tích câu trả lời của Việt.

- HS chia sẻ trước lớp, chỉ ra điểm sai.

- GV chốt.

***GV kết luận:** *Củng cố cách so sánh các số có nhiều chữ số.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu:

Viết tên các tỉnh dưới đây theo thứ tự từ bé đến lớn về diện tích?

| Tỉnh | Diện tích (m ²) |
|---------|-----------------------------|
| Nghệ An | 16 493 700 000 |
| Gia Lai | 15 536 900 000 |
| Phú Thọ | 2 533 400 000 |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

BÀI 14: SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ (Tiết 32)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố quy tắc so sánh số và hoàn thiện kỹ năng so sánh các số có nhiều chữ số.

- Xác định được số lớn nhất hoặc bé nhất trong một nhóm các số.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, giải quyết vấn đề và năng lực giao tiếp toán học.

- HS yêu thích môn học Toán.

- Tích hợp lòng ghép GD học sinh biết yêu quê hương, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, đồ dùng dạy học, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động kết nối (3 – 5')

- GV cho HS tham gia trò chơi” Lắp ghép toa tàu”.

-GV cho HS thảo luận nhóm 4, so sánh các số ghi trên 4 đoàn tàu, sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

- GV yêu cầu 1 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét, chữa bài, chốt đáp án đúng.

- GV dẫn dắt đây là bài tập 2/ trang 49 SGK.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kỹ bài tập 1, 3, 4 (Trang 48, 49 /SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV yêu cầu HS trình bày bài vào vở.

- GV chiếu bài 1 bài của HS và đại diện HS trình bày cách làm.

- HS dưới lớp nhận xét.

- GV nhận xét, chốt: Quy tắc so sánh các số có nhiều chữ số:

- + Số nào có nhiều chữ số hơn thì số đó lớn hơn.
- + Nếu hai số có cùng chữ số thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng, kể từ trái sang phải.

Bài 3.

- GV chuẩn bị 9 tấm thẻ và cho HS thảo luận nhóm 4 về lập số lớn nhất và bé nhất có 9 chữ số.
- GV yêu cầu 1 nhóm trình bày.
- Các nhóm thực hiện hỏi, đáp và nhận xét, bổ sung bài bạn.
- GV nhận xét, chốt:
 - + Để xếp được số lớn nhất thì cần các chữ số lớn nhất ở bên trái.
 - + Để xếp được số bé nhất thì cần các chữ số bé nhất ở bên trái.
- GV lưu ý HS: Không thể đặt tấm bìa chứa chữ số 0 ở ngoài cùng bên trái.

Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Từ các kiến thức đã học được, HS vận dụng làm bài tập 4.
- GV cho HS quan sát video tình huống thực tế gắn với yêu cầu bài toán.
- GV cho HS thảo luận nhóm 4 tìm cách lập số lớn nhất.
- GV gọi 1 nhóm trình bày đáp án của mình, các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét và tuyên dương HS

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**TOÁN****BÀI 15: LÀM QUEN VỚI DÃY SỐ TỰ NHIÊN (Tiết 33)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được số tự nhiên và dãy số tự nhiên.
- Hiểu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

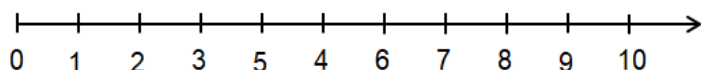
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động kết nối (3 – 5')**

- GV giới thiệu cho HS: Số xuất hiện rất nhiều trong tự nhiên.
- GV lấy ví dụ: Có 1 Mặt Trời; xe đạp có 2 bánh xe; xe ô tô có 4 bánh; ngôi sao có 5 cánh;...
- GV yêu cầu HS đưa ra một số ví dụ về các số xuất hiện trong tự nhiên.
- HS suy nghĩ và trả lời: “Cái bàn có 4 chân; con chim có 2 cánh; tê giác có 1 sừng;...”
- Thông qua ví dụ, GV rút ra kết luận: “Các số 0, 1, 2, 3... là các số tự nhiên”.
- GV dẫn dắt vào bài học: “Chúng ta vừa được tiếp xúc với các số tự nhiên đơn lẻ. Tuy nhiên, sau đây, cô trò mình sẽ cùng tìm hiểu về dãy số tự nhiên chứ không phải các số đơn lẻ trong “Bài 15: Làm quen với dãy số tự nhiên – Tiết 1: Làm quen với dãy số tự nhiên”.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (8 – 10')

- GV dẫn dắt và đặt câu hỏi: “Các bạn Việt, mai và Rô-bốt có các tấm thẻ ghi số. Các bạn ấy đang sắp xếp các tấm thẻ lên bảng. Bạn nào có thể trả lời câu hỏi của Việt và Mai?”
- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi:
 - + Không có số tự nhiên nào bé hơn số không.
 - + Không có số tự nhiên lớn nhất.

- GV chiếu tia số:



- GV gọi mở:

+ Các số trên tia số được sắp xếp theo thứ tự nào?

+ Hai số liên tiếp nhau (ví dụ: 0 và 1, 1 và 2) hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?

- GV giới thiệu, tổng kết về dãy số tự nhiên và đặc điểm của dãy số tự nhiên:

+ Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên.

+ Số tự nhiên bé nhất là 0. Không có số tự nhiên lớn nhất.

+ Trong dãy số tự nhiên, hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 50, 51 /SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài rồi làm từng ý của bài toán.

- HS giải thích được tính đúng, sai của mỗi câu hoặc đưa ra một ví dụ đúng.

- GV hướng dẫn câu d nên sử dụng tia số.

- GV chữa bài.

- Kết quả:

a) S. Vì số 1 000 000 nhỏ hơn số 1 000 001

b) S. Vì thiếu số 0

c) Đ

d) Đ

Bài 2.

- GV cho HS làm bài cá nhân.

- Nhắc lại các khái niệm số liền trước: Số liền trước của một số là số kém số đó 1 đơn vị.

- HS chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

- Kết quả:

a) 80

b) 1 990

c) 2 044

d) 9 999

***GV kết luận:** *Củng cố về cách tìm số liền trước, liền sau của một số.*

Bài 3.

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi thực hiện so sánh các số, sau đó sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

- GV gọi 1 HS lên bảng làm bài.

- GV yêu cầu cả lớp trình bày bài vào vở, so sánh và nhận xét bài làm trên bảng.

- GV chữa bài.

- Kết quả:

9 666, 9 998, 9 999, 10 001

***GV kết luận:** *Củng cố về cách sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.*

4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

Ở BT3, với các khúc tre ghi số 9 999, 9 666, 9 998 khi lật ngược thì được số nào? Hãy sắp xếp các số lật ngược theo thứ tự từ bé đến lớn.

- GV cho HS làm bài cá nhân.

- GV chấm vở 3 HS, nhận xét và chữa bài.
- Kết quả:
 - + Các khúc tre lật ngược nhận được các số: 6 666, 9 996, 8 666.
 - + Thứ tự từ bé đến lớn: 6 666, 8 666, 9 996.
- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

BÀI 15: LÀM QUEN VỚI DÃY SỐ TỰ NHIÊN (Tiết 34)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được số tự nhiên và dãy số tự nhiên.
- Biết được số liền trước, liền sau.
- Biết được khái niệm 3 số tự nhiên liên tiếp.
- Làm quen với một số dạng dãy số khác nhau như dãy số chẵn, số lẻ, cách đều 5
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động, kết nối (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú” để khởi động bài học.
- + Câu 1: Viết số liền sau số: 12 345
- + Câu 2: Viết số liền trước số 1 000 000 000
- + Câu 3: Nêu tiếp 3 số các đều trong dãy sau: 3; 6; 9; 12 ;;;
- + Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:
123 215 000; 234 215 000; 34 215 000

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 50, 51 /SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. (Làm việc nhóm đôi) Tìm số liền sau của mỗi số

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi thống nhất kết quả
- Trình bày trước lớp.
- Cho HS chia sẻ trước lớp
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2: (Làm việc cá nhân) Tìm số thích hợp để được ba số tự nhiên liên tiếp

- Cho HS đọc và làm vào vở.
- Hs trình bày trước lớp.
- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: Số (Cả lớp – nhóm)

- Đọc và suy nghĩ
- GV cho HS đọc sau đó chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 1 ý
- GV mời đại diện nhóm trình bày

- Mời HS nhận xét, giúp HS hiểu được dãy số tự nhiên liên tiếp, dãy số chẵn, số lẻ, cách đều 5

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 4: Nhóm – Nhận thẻ thực hành

- GV cho nhóm thảo luận trình bày.

- GV cho HS giải thích cách tìm số có 6 chữ số bé nhất

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi: Ai nhanh, ai đúng

GV nêu:

Câu 1: Nêu 3 số tự nhiên liên tiếp bắt đầu bằng số 1890,;;

Câu 2: Thêm 3 số trong dãy sau và nêu quy luật của dãy số đó 4, 8, 12,,;

..... - Mời học sinh xung phong tham gia trải nghiệm. Ai trả lời đúng sẽ được tuyên dương.

- Nhận xét, tuyên dương.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

BÀI 16: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 35)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc, viết được số có nhiều chữ số.

- Nhận biết được lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu. Đồng thời nhận biết được các hàng tương ứng.

- Biết làm tròn số tới hàng trăm nghìn.

- Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1 000 000 000.

- Thực hiện được việc sắp xếp số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.

ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động, kết nối (3 – 5')

- GV viết bài tập lên bảng.

Ví dụ: a. Xác định hàng, lớp của số 213 490 541

b. Giá trị của chữ số 2 trong số 72 015 936

- GV gọi 2 HS xung phong lên bảng giải bài. HS nào giải nhanh nhất, đúng nhất sẽ được tuyên dương trước lớp.

- *Kết quả:*

a. 213 490 541

- *Lớp triệu:*

Hàng trăm triệu: 2

Hàng chục triệu: 1

Hàng triệu: 3

- *Lớp nghìn:*

Hàng trăm nghìn: 4

Hàng chục nghìn: 9

Hàng nghìn: 0

- Lớp đơn vị:

Hàng trăm: 5

Hàng chục: 4

Hàng đơn vị: 1

b. Giá trị của chữ số 2 trong số 72 015 936 là 2 000 000

- GV nhận xét và chữa bài.

- GV dẫn dắt vào bài học: “Chúng ta vừa được gọi nhớ lại kiến thức về hàng, lớp của số có nhiều chữ số. Sau đây, cô trò mình sẽ cùng luyện tập kiến thức này trong “Bài 16: Luyện tập chung – Tiết 1: Luyện tập”.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4, 5 (Trang 52 /SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- GV in bảng ra phiếu và yêu cầu HS hoàn thành bảng.

- HS chia sẻ trước lớp, cả lớp so sánh và nhận xét bài trên bảng.

- GV chữa bài, chốt đáp án.

Bảng kết quả BT1

| Viết số | Lớp triệu | | | Lớp nghìn | | | Lớp đơn vị | | |
|-------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|------------|-----------|-------------|
| | Hàng trăm triệu | Hàng chục triệu | Hàng triệu | Hàng trăm nghìn | Hàng chục nghìn | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |
| 34 938 060 | | 3 | 4 | 9 | 3 | 8 | 0 | 6 | 0 |
| 299 792 458 | 2 | 9 | 9 | 7 | 9 | 2 | 4 | 5 | 8 |
| 1 747 346 | | | 1 | 7 | 4 | 7 | 3 | 4 | 6 |

***GV kết luận: Củng cố về hàng và lớp.**

Bài 2.

- HS làm bài cá nhân.

- HS chia sẻ trước lớp.

- GV chữa bài, chốt đáp án.

- Kết quả:

6 800 287: hàng triệu, lớp triệu

124 443 993: hàng nghìn, lớp nghìn

607 330: hàng chục nghìn, lớp nghìn

3 101 983: hàng chục, lớp đơn vị

Bài 3.

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, thảo luận để tìm ra chữ số cần tìm.

- GV gợi mở:

+ Hai số cần so sánh có số chữ số bằng nhau hay không?

+ Nếu số chữ số bằng nhau, quan sát chữ số cần tìm thuộc hàng nào và so sánh với chữ số cùng hàng của số còn lại.

- HS chia sẻ.

- GV nhận xét, chốt đáp án.

- Kết quả:

a) 92 881 992 < 92 951 000

b) 931 201 > 930 300

***GV kết luận: Củng cố cách so sánh số có nhiều chữ số.**

Bài 4.

- GV cho HS đọc to từng số.
- GV cho HS làm bài cá nhân, suy nghĩ xác định vị trí của số 7 và điền đáp vào bảng.
- Kết quả:

+ Số: 74 810 331

→ Giá trị của chữ số 7: 70 000 000

+ Số: 3 037 933

→ Giá trị của chữ số 7: 7 000

+ Số: 981 381 070

→ Giá trị của chữ số 7: 70

- GV nhận xét và chữa bài.

***GV kết luận: Củng cố cách tìm giá trị của 1 chữ số trong số có nhiều chữ số.**

Bài 5.

- GV cho HS hoạt động nhóm 5 người, suy nghĩ, trao đổi để từ các que diêm đã cho cố gắng tạo thành thật nhiều số khác nhau.
- Nhóm nào tạo được một số mới thì được cộng một điểm; nhóm nào tạo được một số theo yêu cầu đề bài thì được cộng 5 điểm.
- GV tổng kết điểm và tuyên bố nhóm có số điểm cao nhất.

- GV gợi mở:

+ Số đã cho có bao nhiêu chữ số?

+ Số cần tìm có bao nhiêu chữ số?

+ Do đó ta cần mấy chữ số để từ số đã cho tạo thành số cần tìm?

- GV chữa bài, chốt đáp án.

- Kết quả:

Lấy 2 que tính ở số 0 để tạo hai số 1 cạnh nhau.

→ Số có chín chữ số có thể tạo được là: 131 141 975; 311 419 751

***GV kết luận: Củng cố về cách lập số, viết số.**

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN TƯ DUY

BÀI TOÁN XẾP HÀNG (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh biết cách quan sát, chọn lựa những chi tiết giống nhau từ đề bài để tiến hành so sánh và thay thế, tìm ra câu trả lời cho mỗi bài toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, chiếc cân thăng bằng làm từ móc treo quần áo, dây, rổ và một số đồ vật để so sánh khối lượng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động, kết nối (3 – 5')

Mục tiêu: Học sinh được làm quen với chiếc cân thăng bằng, hiểu nguyên lý hoạt động của nó.

- Giáo viên giới thiệu cho học sinh về chiếc cân thăng bằng, nguyên lý hoạt động của chiếc cân thăng bằng.

+ Nếu trước đó học sinh đã được làm quen với chiếc cân thăng bằng thì giáo viên có thể tiến hành việc nhắc lại nhanh kiến thức bằng cách nêu ra một số ví dụ, hỏi học sinh quan sát và tìm vật nặng hơn hoặc nhẹ hơn.

- Nếu học sinh chưa biết về nguyên lý hoạt động của chiếc cân thăng bằng, giáo viên có thể tự tạo một chiếc cân thăng bằng cho học sinh quan sát bằng cách sử dụng móc treo quần áo, hai đầu có buộc 2 sợi dây treo 2 chiếc rổ giống hệt nhau. Treo móc tại một vị trí cố định hoặc dùng ngón tay để giữ. Cho học sinh quan sát trạng thái cân bằng của chiếc cân. Sau đó lần lượt đặt các nhóm đồ vật cần so sánh khối lượng vào hai chiếc rổ để học sinh quan sát và đưa ra nhận xét.

+ Hoặc giáo viên có thể liên hệ với chiếc bập bênh ngoài sân chơi.

2. Hoạt động Khám phá (15 - 20 ')

- Giáo viên vẽ một vài ví dụ đơn giản lên bảng, đặt câu hỏi gợi ý cho học sinh, bằng việc để học sinh quan sát xem giữa những chiếc cân thăng bằng đã cho có những điểm gì chung (Có vật nào? Số lượng ra sao?) ... từ đó tiến hành so sánh và thay thế. Cần lưu ý là tất cả các vật cùng loại thì có cùng khối lượng (giả sử như vậy để đơn giản bài toán).

- Một số ví dụ cân đưa ra phân tích:

+ 2 con cá nặng bằng 1 con cá + 3 con cua. Vậy 1 con cá nặng bằng bao nhiêu con cua?

(Ta thấy cả hai đĩa cân đều có ít nhất 1 con cá, giống nhau, nên ta có thể bỏ đi từ mỗi đĩa cân 1 con cá. Khi đó trên cân còn lại 1 con cá (đĩa trái) và 3 con cua (đĩa phải) vậy 1 con cá nặng bằng 3 con cua.)

+ 1 con cá nặng bằng 3 con cua, 1 con cua nặng bằng 2 con tôm. Hỏi 1 con cá nặng bằng bao nhiêu con tôm?

(Ta quan sát thấy 1 con cua nặng bằng 2 con tôm, vậy cứ bỏ 1 con cua ở cái cân thứ nhất ra, ta sẽ đặt vào đĩa cân đó 2 con tôm, khi đó cân vẫn ở trạng thái cân bằng. Lần lượt so sánh và thay thế như vậy, ta có 1 con cá nặng bằng $2 + 2 + 2$ con tôm.)

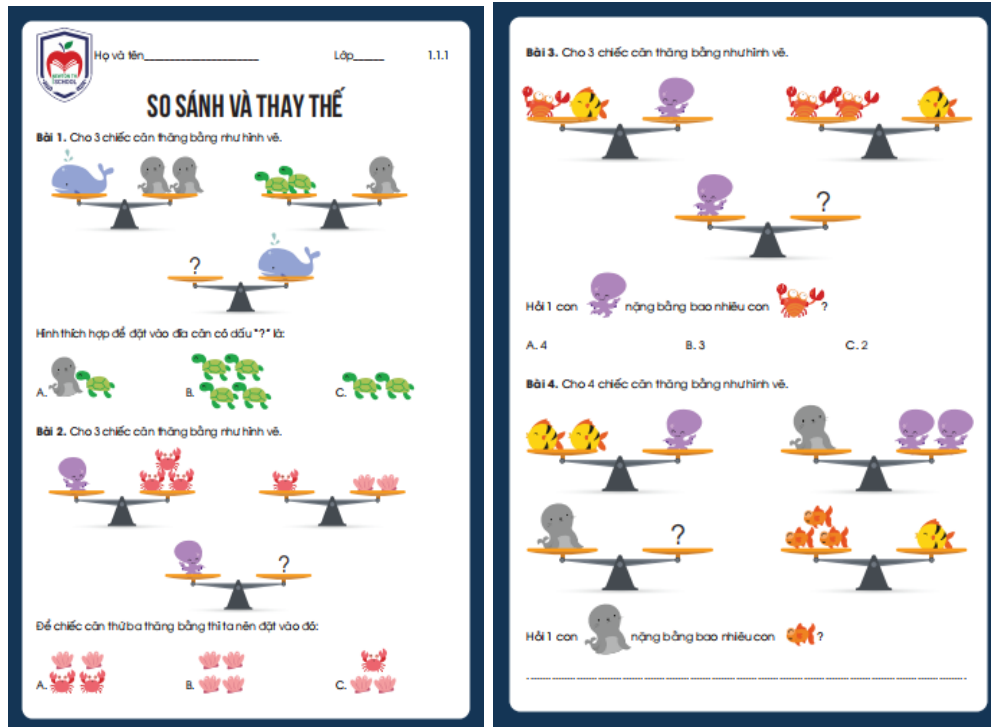
+ 1 con cá nặng bằng 3 con cua. 1 con cua nặng bằng 2 con tôm. 1 con tôm nặng bằng 2 con tép. Hỏi 1 con cá nặng bằng bao nhiêu con tép?

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (25 - 30 ')

- Giáo viên nêu yêu cầu, hướng dẫn và cho học sinh làm phiếu bài tập 1.1.1.

+ Nội dung: Bài toán so sánh và thay thế.

- BTVN: Phiếu bài tập 1.1.2.



+ Học sinh không nhất thiết phải làm thử thách phụ.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN Củng Cố

MỞ RỘNG SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Làm quen, nhận biết số tự nhiên và dãy số tự nhiên.
- + Hiểu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên
- + Vận dụng kiến thức đã học về dãy số tự nhiên để làm bài tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động, kết nối (3 – 5')

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + Làm quen, nhận biết số tự nhiên và dãy số tự nhiên.
- + Hiểu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên
- + Vận dụng kiến thức đã học về dãy số tự nhiên để làm bài tập.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 25')

- GV giao BT cho HS làm bài.
- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.
- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

*** Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:**

a) Trong dãy số tự nhiên, số đứng trước lớn hơn số đứng sau. ☐

b) Số tự nhiên bé nhất là 0 ☐

c) Số tự nhiên lớn nhất là 1 000 000 000 ☐

d) Số liền sau của một số lớn hơn số liền trước của số đó 1 đơn vị ☐

- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời. Mỗi câu trả lời GV yêu cầu HS giải thích theo ý hiểu.

- GV nhận xét bài làm kết hợp trình chiếu trên bảng kết quả để HS đối chiếu kết quả, khen học sinh thực hiện tốt.

→ Gv chốt về dãy số tự nhiên.**Bài 2:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a) 2 020, 2 022, 2 024,,, 2 032.

b) Số liền sau của số lớn nhất có chín chữ số là

c) Trong dãy số tự nhiên, số đứng ở vị trí một triệu viết là:

d) Chữ số 1 trong số 815 357 246 ở hàng....., thuộc lớp....., có giá trị là:

- GV cho HS làm bài vào bảng phụ thời gian 15 phút làm bài trên. GV mời 2 HS đại diện 2 nhóm lên bảng treo bảng phụ báo cáo kết quả. HS ở dưới quan sát so sánh hai bài của hai nhóm nhận xét bổ sung

- Cho học sinh nhận xét.

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ Gv chốt hiểu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên. Vận dụng kiến thức đã học về dãy số tự nhiên để làm bài tập.**Bài 3:** Viết số thích hợp vào ô trống để được so sánh đúng

a) $351\ 689\ 869 < 351\ \square\ 1\ 869$

b) $102\ 721\ 012 > 102\ 7\square\square\ 6$

c) $91\ 237\ 546 = \square\ 1\square\ \square\ 6$

d) $500\ 001 = \square\ 00\ 000 + 1$

- GV cho học sinh lên thực hiện làm bài.

- 4 HS nối tiếp lên bảng làm bài hoặc làm phiếu nhóm

- HS khác dưới lớp làm vở, đổi vở soát, nhận xét nêu cách làm

a) $351\ 689\ 869 < 351\ 691\ 869$

b) $102\ 721\ 012 > 102\ 721\ 006$

c) $91\ 237\ 546 = 91\ 237\ 546$

d) $500\ 001 = 500\ 000 + 1$

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức.

→ Gv chốt bài làm trên màn hình. GV chốt lại kiến thức so sánh số tự nhiên

Bài 4: Từ các chữ số từ 1 - 9 hãy lập ba số có chín chữ số khác nhau. Biết rằng ở mỗi số, tổng các chữ số trong lớp triệu, nghìn, đơn vị bằng nhau và bằng 15.

- GV cho HS thảo luận nhóm 2 phân tích đề và tìm hướng giải.
- HS nêu hướng giải
- HS nêu kết quả:

Ta nhận thấy: $1+2+3+4+5+6+7+8+9 = 45$, theo đầu bài tổng các chữ số trong mỗi lớp triệu, nghìn, đơn vị bằng nhau và bằng 15 (vì $45 : 3 = 15$). Có thể ghép như sau:

$7+6+2=8+4+3=9+5+1$. Từ đó dễ dàng lập được các số thỏa mãn đề bài, chẳng hạn: 762 843 951; 726 843 951; 267 843 951; ...

- GV nhận xét, chốt kết quả: 762 843 951; 726 843 951; 267 843 951; ...

→ Gv chốt cách vận dụng kiến thức đã học về dãy số tự nhiên để làm bài tập.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Em viết hai số lần lượt có tám, chín chữ số:
- Chỉ vào từng chữ số của mỗi số nói số đó thuộc hàng nào, lớp nào, giá trị của số đó là bao nhiêu.
- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng và giải thích
- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.
- GV nhận xét giờ học.

- GV dẫn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

BÀI 8: THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (T1) - (Tiết 13)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên về địa hình của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, lược đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.
- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV giới thiệu hình ảnh trong sách giáo khoa để khơi động bài học.
- + Em quan sát trong tranh thấy có những yếu tố tự nhiên nào?
- + Yếu tố tự nhiên đó có đặc điểm gì?
- HS chia sẻ câu trả lời.
- GV nhận xét câu trả lời của học sinh.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.



2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (23- 25')

2.1. Tìm hiểu về vị trí địa lí (làm việc nhóm đôi)

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 2 SGK và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi.

- HS làm việc nhóm đôi, quan sát bản đồ đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

- + Xác định vị trí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên lược đồ?
- + Kể tên những vùng tiếp giáp với vùng Đồng bằng Bắc Bộ?
- GV mời một số HS trả lời
- GV và cả lớp nhận xét, bổ sung



- GV mời đại diện một số HS lên chỉ ranh giới, vị trí, các nơi tiếp giáp vùng Đồng bằng Bắc Bộ

- GV nhận xét, tuyên dương, kết luận chốt đáp án đúng.

+ Đồng bằng Bắc Bộ nằm ở phía bắc nước ta

+ Tiếp giáp với vùng trung du, miền núi Bắc Bộ, vùng Duyên hải miền Trung và vịnh Bắc Bộ

+ Vùng được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình

- GV chốt kiến thức: **Vùng Đồng bằng Bắc Bộ nằm ở phía bắc nước ta, có dạng hình tam giác, tiếp giáp với: vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Duyên hải miền Trung và vịnh Bắc Bộ.**

2.2. Đặc điểm về thiên nhiên

a) Địa hình

- GV yêu cầu HS tiếp tục quan sát hình 2, nêu đặc điểm địa hình của Đồng bằng Bắc Bộ?

+ Độ cao chủ yếu của vùng Đồng bằng Bắc Bộ khoảng bao nhiêu mét?

+ So sánh địa hình của vùng Đồng bằng Bắc Bộ với địa hình của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- HS quan sát, suy nghĩ 1' rồi trả lời

- HS chia sẻ câu trả lời:

+ *Vùng đồng bằng Bắc Bộ có độ cao chủ yếu dưới 50 m.*

+ *Vùng đồng bằng Bắc Bộ có địa hình thấp và tương đối bằng phẳng không nhiều đồi núi như vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

- GV nhận xét, kết luận, tuyên dương.

=> GV chốt KT: **Địa hình vùng đồng bằng Bắc Bộ tương đối bằng phẳng, có độ cao trung bình trên 25m. Đồng bằng có dạng hình tam giác nay vẫn tiếp tục được mở rộng ra phía biển. Có diện tích khoảng 15 000km²**

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV giới thiệu bản đồ Tự nhiên Việt Nam yêu cầu HS quan sát vị trí địa lí của đồng bằng Bắc Bộ. (cũng có thể trình chiếu bản đồ trên màn hình)

- Gọi một vài em lên bảng chỉ vị trí địa lí của đồng bằng Bắc Bộ và nêu vùng tiếp giáp
 - GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.
 - GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài. Yêu cầu học sinh chuẩn bị Bài 8: Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 2
- IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)**



LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

BÀI 8: THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (T2) - (Tiết 14)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, sông ngòi,...) của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, lược đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.
- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV giới thiệu bài hát: **CÒ LẢ - Bé Khai Xuân** theo địa chỉ <https://www.youtube.com/watch?v=s5sOyBpcDhQ>

+ Nghe và xem biểu diễn bài hát, em thấy thế nào?

+ Đây là bài hát của vùng nào?

+ Vùng đồng bằng Bắc Bộ có địa hình như thế nào?

- HS thảo luận nhóm đôi và đại diện nhóm chia sẻ kết quả.

- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (13- 15')

2.1. Đặc điểm về thiên nhiên

a) Khí hậu

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi.

+ Nhiệt độ và lượng mưa trung bình năm của vùng Đồng bằng Bắc Bộ?

+ Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có mấy mùa, nêu đặc điểm từng mùa?

- GV mời đại diện một số HS trả lời các câu hỏi trên.

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng:

+ Vùng đồng bằng Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới gió mùa với nhiệt độ trung bình năm trên 23 độ C lượng mưa trung bình.

+ Khí hậu của vùng chia làm hai mùa mùa đông và mùa hạ. Mùa đông thì lạnh ít mưa, mùa hạ thì nóng mưa nhiều

b) Tìm hiểu về sông ngòi

- GV yêu cầu HS tiếp tục quan sát hình 2, đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi:

+ Kể tên một số sông lớn ở vùng đồng bằng Bắc Bộ?

+ Nhận xét về mạng lưới sông ngòi ở vùng (dày đặc hay thưa thớt mạng lưới sông ngòi tập trung ở từng khu vực hay tỏa khắp vùng)

+ Nêu vai trò của sông ngòi ở vùng?

- GV mời đại diện một số em trả lời

- GV nhận xét, kết luận, tuyên dương và chốt đáp án đúng:

+ Một số sông lớn ở vùng đó là sông Hồng sông Thái Bình phải Sông Đáy

+ Vùng có mạng lưới sông ngòi dày đặc tỏa khắp vùng.

+ Sông ngòi cung cấp cho vùng lượng nước và phù sa lớn.

- GV mời một vài HS chỉ trên lược đồ một số sông lớn ở vùng đồng bằng Bắc Bộ?

c) Tìm hiểu về đất và sinh vật

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và quan sát các hình 4,5

+ Cho biết tên loại đất chính là vùng Đồng bằng Bắc Bộ?

+ Nêu đặc điểm của sinh vật tự nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ?

- GV mời đại diện một số HS trả lời các câu hỏi trên.

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng:

+ Vùng đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là đất phù sa

+ Sinh vật tự nhiên của vùng đất rất phong phú như chịu tác động mạnh mẽ bởi con người. Hiện nay nhiều loài động vật thực vật tự nhiên được bảo vệ trong các khu bảo tồn thiên nhiên vườn (vườn quốc gia khu dự trữ sinh quyển).

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (8- 10')

- GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm 4

+ Hoàn thành bảng sau

Đặc điểm vùng đồng bằng Bắc Bộ

| Yếu tố tự nhiên | Đặc điểm |
|-----------------|----------|
| Địa hình | |
| Khí hậu | |
| Sông ngòi | |

- GV mời đại diện nhóm lên dán bài và trình bày

- GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.

| Yếu tố tự nhiên | Đặc điểm |
|-----------------|--|
| Địa hình | Tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình dưới 25m |
| Khí hậu | Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có một mùa đông lạnh. |
| Sông ngòi | Hệ thống sông ngòi dày đặc, tỏa khắp vùng. |

- GV nhận xét tuyên dương, bổ sung và chốt đáp án đúng.



Hình 4. Động, thực vật ở Vườn quốc gia Cúc Phương (tỉnh Ninh Bình)



Hình 5. Rừng ngập mặn ở Vườn quốc gia Xuân Thủy (tỉnh Nam Định)

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV yêu cầu học sinh tìm hiểu về sông Hồng và nêu cảm nghĩ về dòng sông đấy.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS. Dặn học sinh chuẩn bị Bài 8: Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 3

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC**BÀI 7: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CHẤT (Tiết 13)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tóm tắt được những nội dung chính dưới dạng sơ đồ.
- Vận dụng được kiến thức về nước, không khí để giải thích cũng như xử lý một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV hỏi:
 - + Làm thế nào để tắt ngọn nến đang cháy mà không cần thổi?
- GV chốt: Ta chỉ cần lấy 1 chiếc lọ nhỏ úp vào ngọn nến.
- HS suy ngẫm trả lời.
- GV giới thiệu- ghi bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 – 25')**Tóm tắt các nội dung đã học trong chủ đề**

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 tóm tắt nội dung chủ đề “ Chất” vào phiếu nhóm theo cách sáng tạo.
- GV cho các nhóm trình bày phần tóm tắt, nhận xét chéo nhau.
- HS thực hiện chia sẻ.
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận
- HS lắng nghe, ghi nhớ.

Trả lời các câu hỏi và bài tập

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi trả lời câu hỏi từ 1 đến 3 trong sgk. Riêng câu 4 các nhóm thi vẽ tranh sau đó thuyết trình trước lớp.
- GV cho các nhóm trình bày phần tóm tắt, nhận xét chéo nhau.
- HS chia sẻ
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận
- HS lắng nghe, ghi nhớ.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Hãy nêu thành phần của không khí?
- Trình bày hiểu biết của mình về một nội dung bất kì trong hình 1, trang 29 mà em thích nhất?
- Đề xuất cách làm đơn giản để phát hiện sự có mặt của hơi nước trong không khí?
- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC**BÀI 8: ÁNH SÁNG VÀ SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG (Tiết 14)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được ví dụ về các vật phát sáng và các vật được chiếu sáng.
- Nêu được cách làm và thực hiện được thí nghiệm tìm hiểu về sự truyền thẳng của ánh sáng; về vật cho ánh sáng truyền qua và vật cản ánh sáng.
- Vận dụng được kiến thức về tính chất cho ánh sáng truyền qua hay không cho ánh sáng truyền qua của các vật để giải thích được một số hiện tượng tự nhiên và ứng dụng thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File giáo án.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')**

- GV cho HS xem video múa bóng: Sự khéo léo của đôi bàn tay”:
 - + Trong đoạn video có hình ảnh gì?
 - + Hình ảnh được tạo ra bằng cách nào? (...được tạo ra từ đôi bàn tay)
 - + Vì sao lại có những hình ảnh đó? (Nhờ ánh sáng chiếu vào tay, tay không cho ánh sáng đi qua nên đã tạo ra bóng)
- HS xem video
- HS suy ngẫm trả lời.
- GV giới thiệu- ghi bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 – 25')**2.1 Vật phát sáng và vật được chiếu sáng**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi dựa vào các hình 1 và 2/31 + kinh nghiệm của bản thân nêu vật phát sáng và vật được chiếu sáng và điền vào phiếu học tập
- HS thực hiện.
- Yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo.
- HS báo cáo kết quả.
- + Hãy chỉ ra điểm giống nhau của vật phát sáng và vật được chiếu sáng?
- HS nêu.
- GV cùng HS rút ra kết luận về vật phát sáng và vật được chiếu sáng: *Mặt Trời là vật phát sáng tự nhiên. Con người có thể tạo ra được vật phát sáng như đèn điện, ngọn đuốc... Có những vật không phát sáng nhưng được chiếu sáng và phản chiếu ánh sáng chiếu vào nó. Ví dụ: Mặt Trăng....*
- HS lắng nghe, ghi nhớ.
- GV khen ngợi, tuyên dương HS.

2.2 Sự truyền ánh sáng***Điều kiện để mắt nhìn thấy một vật***

- Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4 trả lời câu hỏi: *Vì sao mắt chúng ta nhìn thấy vật?*
- HS thảo luận.
- HS báo cáo.

**** Thí nghiệm 1:***

- Yêu cầu HS đọc thông tin SGK/32 và tiến hành thí nghiệm như hình 3 để kiểm chứng kết quả thảo luận và hoàn thiện phiếu học tập sau.

- HS làm thí nghiệm.

| | Bật đèn | Chưa bật đèn |
|--|---------|--------------|
| Dự đoán nhìn thấy viên bi trắng khi | | |
| Kết quả TN nhìn thấy viên bi trắng khi | | |
| Nhận xét từ kết quả TN | | |

- HS ghi kết quả vào phiếu học tập.

- GV cùng HS rút ra kết luận: *Ánh sáng truyền từ vật phát sáng đến các vật và phản chiếu từ các vật đến mắt nên ta nhìn thấy chúng.*

- HS lắng nghe.

Ánh sáng truyền theo đường thẳng.

- Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4 trả lời câu hỏi: *Nhận xét đường truyền của ánh sáng trong không khí?*

- HS thảo luận.

* **Thí nghiệm 2:**

- Yêu cầu HS đọc thông tin SGK/32 và tiến hành thí nghiệm như hình 4 để kiểm chứng kết quả thảo luận.

- HS làm thí nghiệm.

- GV cùng HS rút ra kết luận: *Trong không khí ánh sáng truyền theo đường thẳng.*

- HS lắng nghe.

- Yêu cầu HS quan sát hình 5, thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi vào phiếu học tập:

+ Chỉ ra vật phát sáng trong hình. (*Mặt Trời*)

+ Vì sao người đứng bên đường nhìn thấy ô tô? (*Ánh sáng mặt trời chiếu tới ô tô, ô tô phản chiếu ánh sáng tới mắt người đứng bên đường nên người đó nhìn thấy ô tô*)

+ Người đó cần có điều kiện gì để nhìn thấy ô tô vào ban đêm? (*Đèn điện bên đường sáng hoặc đèn điện bên đường không sáng, ô tô bật các đèn tín hiệu*)

- HS thảo luận.

- HS báo cáo.

- GV kết luận.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

+ Lấy ví dụ về vật phát sáng và vật được phát sáng.

+ Mắt nhìn thấy vật khi nào?

+ Trong không khí ánh sáng được truyền như thế nào?

- HS trả lời.

- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

ĐẠO ĐỨC

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

- Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

- Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.
- Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (2 - 3')

- GV yêu cầu HS chia sẻ kế hoạch mà đã trao đổi cùng với người thân giúp đỡ người khó khăn.
- GV nhận xét/ tuyên dương/ dẫn vào bài học

2 Hoạt động Luyện tập, thực hành (25-27')

Bài tập 1. Kể về một người có hoàn cảnh khó khăn theo gợi ý

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, chia sẻ về người có hoàn cảnh khó khăn theo nội dung:
 - + Tên của người đó.
 - + Nơi họ sống.
 - + Những khó khăn mà họ đang gặp phải.
 - + Những việc mà em có thể làm để giúp họ.
- Tổ chức cho HS chia sẻ, các HS khác nhận xét
- GV nhận xét, khen thưởng, động viên HS

Bài tập 2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến sau? Vì sao?

- HS thảo luận nhóm 2, thảo luận ý kiến sgk và bày tỏ thái độ
- GV tổ chức HS chia sẻ kết quả thảo luận
- GV nhận xét, khen thưởng, kết luận.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5')

- GV yêu cầu HS viết những lời yêu thương để gửi gắm đến những người có hoàn cảnh khó khăn
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực. Nhắc nhở HS khắc phục những tồn tại trong tiết học.
- Nhắc nhở HS chuẩn bị bài tiết sau

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

ĐẠO ĐỨC

BÀI 2: CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN (Tiết 8)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn
- Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn
- Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

- Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3-5')

- GV cho HS chơi trò chơi “truyền điện”, kể tên những việc làm thể hiện cảm thông giúp đỡ người gặp khó khăn.
- GV theo dõi, nhận xét, tuyên dương.
- GV giới thiệu bài và ghi đề bài.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (8-10')

Bài tập 3. Lựa chọn thái độ, hành vi

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để xác định những thái độ, hành vi thể hiện cảm thông giúp đỡ người gặp khó khăn.
- GV tổ chức các nhóm chia sẻ, các nhóm khác bổ sung, chỉ sẻ
- GV nhận xét, kết luận: Khi thể hiện sự cảm thông giúp đỡ người gặp khó khăn cần có:
+ Thái độ chân thành + Lời nói cử chỉ phù hợp
+ ánh mắt thân tình + Tôn trọng
+ Tránh thái độ, hành vi tỏ vẻ thương hại, ban ơn

Bài tập 4. Xử lý tình huống

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 lựa chọn 1 tình huống sgk để đóng vai đưa ra cách xử lý đúng.
- GV tổ chức cho HS trình bày cách xử lý, các nhóm khác góp ý, bổ sung và động viên
- GV nhận xét, kết luận.

| | |
|--------------|--|
| Tình huống a | - Rủ Hải sang cùng giúp đỡ bà như một món quà ý nghĩa ngày sinh nhật/ - Báo với Hải sang chung sinh nhật muộn vì đã hứa cùng giúp bà cụ..... |
| Tình huống b | - Động viên, chia sẻ cùng bạn. |
| Tình huống c | - Chung tay thực hiện: tìm quần áo cũ không dùng đến để gửi tặng/ tuyên truyền cùng người thân.... |

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2-3')

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, xây dựng và thực hiện kế hoạch giúp đỡ người gặp khó khăn theo bản gọi ý sgk
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực, đưa thông điệp.
- Nhắc nhở HS khắc phục những tồn tại trong tiết học.
- Nhắc nhở HS chuẩn bị bài tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CẢM XÚC CỦA EM (Tiết 19)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận diện được khả năng điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.

- Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.
- Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.
- Tự tin thể hiện và điều chỉnh cảm xúc của bản thân, có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV mở cho học sinh nghe bài hát Gọi tên cảm xúc:

[Bài hát | Gọi tên cảm xúc | AnNa - YouTube](#)

- GV đặt câu hỏi: *Bài hát đã gửi tới các em thông điệp gì?*
- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

a. Cảm xúc của em.

- GV chuẩn bị các tấm thẻ có nội dung là những tình huống thường gặp tương ứng với các trạng thái cảm xúc: vui vẻ, hào hứng, tức giận,...
- GV chia lớp thành nhóm 4 – 6 người.
- GV phổ biến cách chơi Cùng chơi thể hiện cảm xúc như sau:
 - + Đại diện các đội lên chơi bốc thăm một tấm thẻ và thể hiện cảm xúc phù hợp với tình huống được ghi trong tấm thẻ.
 - + Ở trong tấm thẻ có nội dung là các tình huống thường gặp tương ứng với các trạng thái cảm xúc:
 - *Tình huống 1: Em được bố tặng 1 cuốn sách mà em đã thích từ lâu.*
 - *Tình huống 2: Trong lúc trêu đùa, bạn Dũng vô tình làm rách trang vở của em.*
 - *Tình huống 3: Em nhận được tin mình không được chọn vào đội tuyển Cờ vua của trường.*

- GV tổ chức cho HS cùng chơi *Thể hiện cảm xúc*.
- GV mời một số HS nhận xét phần thể hiện cảm xúc và chia sẻ cảm nghĩ sau khi tham gia trò chơi.
- GV đặt câu hỏi tương tác với HS:
 - + Theo em, phần thể hiện cảm xúc của bạn đã phù hợp với tình huống được đưa ra chưa?
 - + Em thấy phần thể hiện cảm xúc của bạn nào là phù hợp với tình huống nhất?
- GV tổng kết hoạt động và đưa kết luận: ***Có rất nhiều tình huống nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày ở nhà, ở trường, ở cộng đồng. Các em hãy có những thể hiện cảm xúc phù hợp với mỗi tình huống.***

b. Chia sẻ cảm xúc của em.

- GV chia lớp thành các nhóm.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm theo các nội dung sau:
 - + *Suy nghĩ về tình huống mình nhớ nhất trong một tuần gần đây.*
 - + *Chia sẻ lại tình huống đó với các bạn.*
 - + *Mô tả cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong tình huống đó.*
 - + *Đề xuất cách điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân cho phù hợp trong tình huống đó.*

- GV mời 1 số HS chia sẻ trước lớp theo các nội dung trên.
- GV mời một số HS nhận xét câu trả lời của bạn.
- GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: ***GV khen ngợi HS đã phân tích được tình huống và đề xuất được cách điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân cho phù hợp trong tình huống.***

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM THIỆP TẶNG MẸ (Tiết 20 + 21)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:
- Tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.
- HS biết được ý nghĩa của ngày 20/10. Biết quan tâm, chăm sóc bà, mẹ, bạn gái....
- HS làm được thiệp tặng mẹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng; Giấy màu, kéo, keo.....

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV chiếu video để học sinh tìm hiểu về ngày 20/10
- GV nhận xét thi đua trong tuần.
- GV triển khai các công việc tuần mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành: Sinh hoạt cuối tuần (55 – 60')

2.1. Đánh giá kết quả cuối tuần (Làm việc nhóm 2)

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.
- + Kết quả sinh hoạt nền nếp.
- + Kết quả học tập.
- + Kết quả hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)

2.2. Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.
- + Thực hiện nền nếp trong tuần.
- + Thi đua học tập tốt.
- + Thực hiện các hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.

2.3. Sinh hoạt theo chủ đề: Làm thiệp tặng mẹ

- GV hướng dẫn học sinh làm thiệp tặng mẹ.
- HS thực hành làm thiệp tặng mẹ.

- HS chia sẻ thiệp của mình.

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5’)

- GV hướng dẫn học sinh viết 3- 4 câu nêu cảm xúc về mẹ, bà của mình.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà chuẩn bị cho nội dung chủ đề sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

BGH kí duyệt

Tổ trưởng

Giáo viên

Lê Công Thắng

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Phương Linh

